



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII**  
CII BRIDGES AND ROADS INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

oOo

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

## **Quý 2 năm 2019**



**Ngày 30 tháng 06 năm 2019**



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****Quý 2 năm 2019***(Áp dụng cho doanh nghiệp đáp ứng giả định hoạt động liên tục)***Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019**

Đơn vị tính : VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1,898,670,633,950</b>	<b>1,458,060,899,566</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>1</b>	<b>69,442,673,801</b>	<b>83,089,108,096</b>
1. Tiền	111		5,995,866,047	2,889,108,096
2. Các khoản tương đương tiền	112		63,446,807,754	80,200,000,000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>21,583,997,682</b>	<b>21,101,555,302</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	2b.1	21,583,997,682	21,101,555,302
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1,772,476,631,522</b>	<b>1,317,137,002,444</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	3	26,567,869,926	25,245,234,358
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4b	6,923,268,512	102,974,143,512
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XD	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	4c	327,156,693,331	51,893,670,425
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	4a	1,413,771,147,742	1,139,236,524,143
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	6	(1,942,347,989)	(2,212,569,989)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>7</b>	<b>32,872,132,045</b>	<b>34,522,394,607</b>
1. Hàng tồn kho	141		32,872,132,045	34,522,394,607
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2,295,198,900</b>	<b>2,210,839,117</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13a1	45,203,877	57,463,134
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	13a2	244,052,648	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17b	2,005,942,375	2,153,375,983
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>2,086,797,159,759</b>	<b>2,403,829,318,797</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>25,000,000,000</b>	<b>352,430,602,090</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	4d	25,000,000,000	277,425,250,000
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	75,005,352,090
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1,603,633,622</b>	<b>1,795,190,570</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	1,601,141,651	1,790,198,597

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
- Nguyên giá	222		3,112,044,571	3,112,044,571
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(1,510,902,920)	(1,321,845,974)
<b>2. Tài sản cố định thuê tài chính</b>	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
<b>3. Tài sản cố định vô hình</b>	227	10	2,491,971	4,991,973
- Nguyên giá	228		50,000,000	50,000,000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(47,508,029)	(45,008,027)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	240		1,391,222,931	1,391,222,931
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	8b	1,391,222,931	1,391,222,931
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	250		2,058,802,303,206	2,048,212,303,206
1. Đầu tư vào công ty con	251	2c.1	1,904,318,823,206	1,893,728,823,206
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	2c.2	154,483,480,000	154,483,480,000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	2a.1	-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254	2a.1a	-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	2b.2	-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	260		-	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13b1	-	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	270		3,985,467,793,709	3,861,890,218,363

1	2	3	4	5
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	300		1,463,192,075,558	1,507,838,281,075
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	310		1,137,073,506,633	1,167,788,712,150
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	10,446,411,068	8,573,081,648
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	19c	2,565,962,055	3,472,028,926
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17a	33,996,517	189,707,730
4. Phải trả người lao động	314	19a	-	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18a	4,673,659,451	5,031,626,039
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XD	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	20a	-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	19a	232,518,300,306	274,590,238,071
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	15a	886,314,130,000	874,647,130,000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	25e.2	521,047,236	1,284,899,736
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	330		326,118,568,925	340,049,568,925

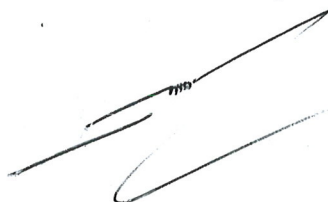
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	19b	10,590,000,000	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	15b	315,528,568,925	340,049,568,925
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>2,522,275,718,151</b>	<b>2,354,051,937,288</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>2,522,275,718,151</b>	<b>2,354,051,937,288</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	25a1	1,928,547,650,000	1,928,547,650,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1,928,547,650,000	1,928,547,650,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	25a2	3,657,748,096	3,657,748,096
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415	2a.2	-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	25e.1	55,653,921,378	55,653,921,378
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	25a	534,416,398,677	366,192,617,814
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		366,192,617,814	162,197,149,107
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		168,223,780,863	203,995,468,707
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
2. Nguồn kinh phí	431		-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>3,985,467,793,709</b>	<b>3,861,890,218,363</b>

Lập ngày 26 tháng 7 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc


Phạm Thế Chính

Dương Thị Nhung

Nguyễn Văn Chính



**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
**Quý 2 năm 2019**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 2		Luỹ kế từ đầu năm	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		2,280,335,829	2,088,025,736	4,491,440,874	21,945,327,808
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		174,272,116	419,779,847	334,284,356	419,779,847
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ( 10 = 01 - 02 )	10		2,106,063,713	1,668,245,889	4,157,156,518	21,525,547,961
4. Giá vốn hàng bán	11		2,143,578,887	549,966,860	4,008,483,851	20,112,625,585
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ ( 20 = 10 - 11 )	20		(37,515,174)	1,118,279,029	148,672,667	1,412,922,376
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		166,179,140,494	63,843,748,151	223,327,595,692	110,243,996,841
7. Chi phí tài chính	22		23,303,559,049	34,352,584,066	52,706,199,599	69,045,020,503
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		23,303,559,049	34,352,584,066	52,033,844,599	69,045,020,503
8. Chi phí bán hàng	25		-	65,700,000	-	65,700,000
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		1,593,672,078	1,791,957,733	2,764,026,068	3,473,958,940
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20+(21-22) - (25+26)]	30		141,244,394,193	28,751,785,381	168,006,042,692	39,072,239,774
11. Thu nhập khác	31		300,000,000	682,158,462	600,000,000	802,158,462
12. Chi phí khác	32		204,949,656	90,581,497	382,261,829	193,694,019
13. Lợi nhuận khác ( 40 = 31 - 32 )	40		95,050,344	591,576,965	217,738,171	608,464,443
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế ( 50 = 30 + 40 )	50		141,339,444,537	29,343,362,346	168,223,780,863	39,680,704,217
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		141,339,444,537	29,343,362,346	168,223,780,863	39,680,704,217
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		726	151	864	204
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71					

Người lập biểu

Dương Thị Nhung

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Chính

Lập ngày 26 tháng 7 năm 2019

Tổng Giám đốc



Phạm Thế Chính

M. S. D. N: 0300482241

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 2 năm 2019

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

Đơn vị tính: đồng

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm	
			Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	01		<b>168,223,780,863</b>	<b>39,680,704,217</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			-	-
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		191,556,948	191,556,948
- Các khoản dự phòng	03		(270,222,000)	(627,607,572)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	(39,599)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(223,327,595,692)	(110,243,957,242)
- Chi phí lãi vay	06		52,033,844,599	69,045,020,503
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	08		<b>(3,148,635,282)</b>	<b>(1,954,322,745)</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(46,026,899,313)	8,936,770,234
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(549,245,480)	11,030,826,409
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		636,551,336	(27,341,381,655)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		12,259,257	53,693,921
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(17,440,814,169)	(29,786,467,909)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(763,852,500)	(936,970,500)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(67,280,636,151)</b>	<b>(39,997,852,245)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			-	-
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(24,694,442,380)	(11,732,610,468)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		1,374,227,094	73,619,688,373
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	113,112,960,000



Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm	
			Năm nay	Năm trước
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		89,808,417,142	90,151,084,590
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>66,488,201,856</b>	<b>265,151,122,495</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			-	-
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(12,854,000,000)	(202,061,500,000)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(12,854,000,000)</b>	<b>(202,061,500,000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(13,646,434,295)</b>	<b>23,091,770,250</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>83,089,108,096</b>	<b>30,223,894,915</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	39,599
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>		<b>69,442,673,801</b>	<b>53,315,704,764</b>

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập ngày 26 tháng 7 năm 2019

Tổng Giám đốc





Phạm Thế Chính

Dương Thị Nhung

Nguyễn Văn Chính

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

(Dạng tóm lược)

Quý 2 năm 2019

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

ĐVT: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	100		<b>1,898,670,633,950</b>	<b>1,458,060,899,566</b>
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		69,442,673,801	83,089,108,096
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		21,583,997,682	21,101,555,302
3. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1,772,476,631,522	1,317,137,002,444
4. Hàng tồn kho	140		32,872,132,045	34,522,394,607
5. Tài sản ngắn hạn khác	150		2,295,198,900	2,210,839,117
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	200		<b>2,086,797,159,759</b>	<b>2,403,829,318,797</b>
1. Các khoản phải thu dài hạn	210		25,000,000,000	352,430,602,090
2. Tài sản cố định	220		1,603,633,622	1,795,190,570
3. Bất động sản đầu tư	240		1,391,222,931	1,391,222,931
4. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		2,058,802,303,206	2,048,212,303,206
5. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	270		<b>3,985,467,793,709</b>	<b>3,861,890,218,363</b>

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	300		<b>1,463,192,075,558</b>	<b>1,507,838,281,075</b>
1. Nợ ngắn hạn	310		1,137,073,506,633	1,167,788,712,150
2. Nợ dài hạn	330		326,118,568,925	340,049,568,925
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	400		<b>2,522,275,718,151</b>	<b>2,354,051,937,288</b>
1. Vốn chủ sở hữu	410		2,522,275,718,151	2,354,051,937,288
2. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	440		<b>3,985,467,793,709</b>	<b>3,861,890,218,363</b>

Lập ngày 26 tháng 7 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc






Dương Thị Nhung

Nguyễn Văn Chính

Phạm Thế Chính



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

(Dạng tóm lược)

Quý 2 năm 2019

ĐVT: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý này		Lũy kế từ đầu năm	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		2,280,335,829	2,088,025,736	4,491,440,874	21,945,327,808
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		174,272,116	419,779,847	334,284,356	419,779,847
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		2,106,063,713	1,668,245,889	4,157,156,518	21,525,547,961
4. Giá vốn hàng bán	11		2,143,578,887	549,966,860	4,008,483,851	20,112,625,585
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(37,515,174)	1,118,279,029	148,672,667	1,412,922,376
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		166,179,140,494	63,843,748,151	223,327,595,692	110,243,996,841
7. Chi phí tài chính	22		23,303,559,049	34,352,584,066	52,706,199,599	69,045,020,503
8. Chi phí bán hàng	25		-	65,700,000	-	65,700,000
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		1,593,672,078	1,791,957,733	2,764,026,068	3,473,958,940
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		141,244,394,193	28,751,785,381	168,006,042,692	39,072,239,774
11. Thu nhập khác	31		300,000,000	682,158,462	600,000,000	802,158,462
12. Chi phí khác	32		204,949,656	90,581,497	382,261,829	193,694,019
13. Lợi nhuận khác	40		95,050,344	591,576,965	217,738,171	608,464,443
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		141,339,444,537	29,343,362,346	168,223,780,863	39,680,704,217
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		141,339,444,537	29,343,362,346	168,223,780,863	39,680,704,217
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		726	151	864	204

Người lập biểu



Dương Thị Nhung

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Chính

Lập ngày 26 tháng 7 năm 2019



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2019

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Đầu tư cầu đường CII (trước đây là Công ty Cổ phần Cơ khí Điện Lữ Gia), (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được chuyển đổi từ Công ty Cơ khí Lữ Gia, một doanh nghiệp nhà nước được thành lập năm 1978 theo Quyết định số 8032/QĐ-UB-KT ngày 28 tháng 12 năm 1999 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 8 tháng 3 năm 2000 và các lần thay đổi.

Ngày 06/04/2018 Công ty thay đổi người đại diện pháp luật là Ông Phạm Thế Chính. Các thông tin khác không đổi.

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Thế Chính - Quốc tịch Việt Nam, Chức vụ: Tổng Giám đốc

1. Hình thức sở hữu vốn: Công ty cổ phần

2. Lĩnh vực kinh doanh: Đầu tư -TM -DV -XD

3. Ngành nghề kinh doanh.

- Lắp đặt hệ thống điện; sản xuất thiết bị điện khác;

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;

- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; bán buôn chuyên doanh khác; bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;

- Sản xuất các cấu kiện kim loại; sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại;

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác;

- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh; giáo dục nghề nghiệp;

- Xây dựng công trình công ích; xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; XD công trình kỹ thuật dân dụng; chuẩn bị mặt bằng;

- Khai thác xử lý và cung cấp nước; lắp đặt hệ thống cấp thoát nước...

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;

- Sửa chữa thiết bị điện; lắp đặt hệ thống xây dựng khác;

- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; các dịch vụ tăng cường sức khỏe...

Hoạt động chính của Công ty trong năm là đầu tư và quản lý các công ty con hoạt động trong lĩnh vực đầu tư cầu đường; thi công xây lắp hệ thống thiết bị chiếu sáng công cộng, duy tu bảo dưỡng công trình công cộng.

### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của công ty là 12 tháng

### 5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính.

### 6. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty đang thực hiện đầu tư vào (08) tám công ty con và 02 công ty liên doanh, liên kết bao gồm các công ty đầu tư trực tiếp và đầu tư gián tiếp thông qua các công ty con khác.

#### - Danh sách các công ty con đầu tư trực tiếp:

Đơn vị tính: VND

Tên đơn vị	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Giá trị đầu tư	Ghi chú
1/ Công ty CP Xây dựng Cầu Sài Gòn	89.98%	89.98%	28,448,338,135	
2/ Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	51.00%	51.00%	540,600,000,000	
3/ Công ty CP Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	99.99%	99.99%	219,980,000,000	
4/ Công ty TNHH MTV BOT ĐT Và XD Ninh Thuận	100.00%	100.00%	430,425,833,333	
5/ Công ty CP Cầu đường Hiền An Bình	99.99%	99.99%	335,996,028,454	
6/ Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	50.71%	50.36%	242,278,623,284	
7/ Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên	51.00%	51.00%	106,590,000,000	
<b>Cộng</b>	<b>xxx</b>	<b>xxx</b>	<b>1,904,318,823,206</b>	

#### - Công ty con đầu tư gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần cầu đường Hiền An Bình:

Tên đơn vị	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Nơi thành lập và hoạt động
1/ Công ty TNHH MTV Đầu tư hạ tầng VRG	99.99%	99.99%	Tỉnh Bình Dương
<b>Cộng</b>	<b>xxx</b>	<b>xxx</b>	



- Danh sách các công ty liên doanh, liên kết;

Đơn vị tính: VND

Tên đơn vị	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Giá trị đầu tư	Ghi chú
1/ Công ty CP BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	10.00%	10.00%	154,483,480,000	
<b>Cộng</b>	xxx	xxx	<b>154,483,480,000</b>	

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính (có so sánh được hay không, nếu không so sánh được phải nêu rõ lý do như vì chuyển đổi hình thức sở hữu, chia tách, sáp nhập, nêu độ dài về kỳ so sánh...)

## II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm : Bắt đầu từ ngày 01/01/2019 kết thúc vào ngày 31/12/2019.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán. Trường hợp có sự thay đổi đơn vị tiền tệ trong kế toán so với năm trước, giải trình rõ lý do và ảnh hưởng của sự thay đổi.

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán: Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc chuyển đổi Báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam

2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán.

3. Nguyên tắc xác định lãi suất thực tế (lãi suất hiệu lực) dùng để chiết khấu dòng tiền.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền.

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

5. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

### a) Chứng khoán kinh doanh;

+ Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh

+ Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

+ Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành

### b) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn;

- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

**c) Các khoản cho vay;**

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

**d) Đầu tư vào công ty con; công ty liên doanh, liên kết;**

**- Đầu tư vào công ty con**

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

**- Góp vốn liên doanh**

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích.

Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

**- Đầu tư vào công ty liên kết;**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

**d) Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác;**

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết và các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trích lập theo quy định.

**e) Các phương pháp kế toán đối với các giao dịch khác liên quan đến đầu tư tài chính.**

**\* Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư**

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập khi các công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào các công ty này (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Mức trích lập dự phòng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế theo hướng dẫn tại Thông tư 89/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2014.

Đối với các khoản đầu tư khác, việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập. Trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý, việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

**6. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Các khoản nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.



- Phải thu về cho vay là các khoản cho vay theo kế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại

Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009.

#### **7. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:**

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho; Giá gốc

- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: bình quân gia quyền ;

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên;

- Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

#### **8. Nguyên tắc ghi nhận và các khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư:**

- Tài sản cố định được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

- Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

- Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, tỷ lệ khấu hao phù hợp với Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 do Bộ Tài chính ban hành.

- Nguyên tắc kế toán chi phí xây dựng cơ bản dở dang: Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

#### **9. Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh.**

#### **10. Nguyên tắc kế toán thuế TNDN hoãn lại.**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

#### **11. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước.**

Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng từ một đến ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

#### **12. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả.**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trọng giao dịch nhập khẩu ủy thác).

- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**13. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính.**

**14. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay.**

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

**15. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả.**

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

**16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả.**

**17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện.**

**18. Nguyên tắc ghi nhận trái phiếu chuyển đổi.**

**19. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:**

- Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu.

+ Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

+ Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát sinh và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu ngân quỹ.

+ Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế số cổ phiếu do Công ty phát hành sau đó mua lại được trừ vào vốn chủ sở hữu của Công ty. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành các công cụ vốn chủ sở hữu.

+ Cổ tức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng Cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch đánh giá lại tài sản.

- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá.

+ Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

+ Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối.

+ Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

+ Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế căn cứ vào Điều lệ của Công ty và quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông.

**20. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:**

**- Doanh thu bán hàng;**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

**- Doanh thu cung cấp dịch vụ;**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

**- Doanh thu hoạt động tài chính;**

+ Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm đầu tư, lãi tiền gửi... nhận được.

+Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**- Doanh thu hợp đồng xây dựng.**

Doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

**- Thu nhập khác**

**21. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**

**22. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán.**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo giá trị thực tế phát sinh và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

**23. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính.**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan

Chi phí lãi vay phát sinh từ các khoản vay ngân hàng để đầu tư vào các dự án B.O.T trong giai đoạn hoạt động được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong kỳ theo tỷ trọng doanh thu.

Các khoản chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**24. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.**

**25. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại.**

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế

**26. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác.**

07  
08  
09  
10  
11  
12



VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

Đơn vị tính: VND

1. Tiền	Cuối kỳ	Đầu năm
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5,995,866,047	2,889,108,096
- Tiền đang chuyển	63,446,807,754	80,200,000,000
...		
<b>Cộng</b>	<b>69,442,673,801</b>	<b>83,089,108,096</b>

2. Các khoản đầu tư tài chính

b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
- Ngắn hạn	21,583,997,682	21,583,997,682	21,101,555,302	21,101,555,302
+ Tiền gửi có kỳ hạn	21,583,997,682	21,583,997,682	21,101,555,302	21,101,555,302
...				
- Dài hạn	-	-	-	-
...				
<b>Cộng</b>	<b>21,583,997,682</b>	<b>21,583,997,682</b>	<b>21,101,555,302</b>	<b>21,101,555,302</b>

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Tỷ lệ lợi ích	Giá trị ghi sổ	Tỷ lệ lợi ích	Giá trị ghi sổ
- Đầu tư vào công ty con		1,904,318,823,206		1,893,728,823,206
+ Cty CP XD Cầu Sài Gòn	89.98%	28,448,338,135	89.98%	28,448,338,135
+ Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	51.00%	540,600,000,000	51.00%	540,600,000,000
+ Cty CP Đầu tư & Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	99.99%	219,980,000,000	99.99%	219,980,000,000
+ Cty CP Cầu đường Hiền An Bình	99.99%	335,996,028,454	99.99%	335,996,028,454
+ Cty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận	100.00%	430,425,833,333	100.00%	430,425,833,333
+ Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	50.71%	242,278,623,284	50.71%	242,278,623,284
+ Cty TNHH Đầu tư Cổ Chiên	51.00%	106,590,000,000		
+ Công ty TNHH Đầu Tư Phát triển Cầu đường CII		-	99.99%	96,000,000,000
...				
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết;		154,483,480,000		154,483,480,000
+ Cty CP BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	10.00%	154,483,480,000	10.00%	154,483,480,000
...				
<b>Cộng</b>		<b>2,058,802,303,206</b>		<b>2,048,212,303,206</b>

\* Tóm tắt tình hình hoạt động của các công ty con, công ty liên doanh, liên kết trong kỳ;

a/ Đầu tư vào công ty con

- + Cty CP XD Cầu Sài Gòn với hoạt động chính Đầu tư xây dựng dự án B.T Cầu Sài Gòn;
- + Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội với Dự án Đầu tư xây dựng dự án B.O.T mở rộng Xa lộ Hà Nội;
- + Cty CP Đầu tư & Phát triển Ninh Thuận với dự án Đầu tư, thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ hoàn vốn dự án B.O.T mở rộng Quốc lộ 1 đoạn qua Tp. Phan Rang - Tháp Chàm
- + Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG (Công ty con đầu tư gián tiếp thông qua Công ty CP Cầu đường Hiền An Bình)- Đầu tư, thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ hoàn vốn Dự án đầu tư nâng cấp mở rộng đường ĐT 741
- + Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận với dự án Đầu tư, thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ hoàn vốn dự án B.O.T mở rộng Quốc lộ 1 đoạn qua tỉnh Ninh Thuận
- + Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu với hoạt động chính là Đầu tư, thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ hoàn vốn Dự án đầu tư xây dựng cầu Rạch Miễu và mở rộng 4 đoạn tuyến Quốc lộ 60.
- + Cty TNHH Đầu tư Cổ Chiên với hoạt động Đầu tư vào các công ty dự án cầu đường

b/ Công ty liên doanh, liên kết;

- + Công ty Cổ phần B.O.T Trung Lương - Mỹ Thuận với Dự án Đầu tư xây dựng Đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận.

\* Các giao dịch trọng yếu giữa doanh nghiệp và công ty con, liên doanh, liên kết trong kỳ.

**a/ Đầu tư vào công ty con**

Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Cầu đường CII giải thể theo Quyết định số 01/QĐ-HĐTV ngày 25/02/2019. Do đó năm 2019 Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Cầu đường CII không còn là Công ty con của Công ty CP Đầu tư cầu đường CII.

Theo Hợp đồng chuyển nhượng vốn số 01 ngày 28/12/2018 Công ty CP Đầu tư cầu đường CII mua 51% cổ phần của Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên của Công ty Tuấn Lộc. Do đó năm 2019 Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên là công ty con của Công ty CP Đầu tư cầu đường CII.

**b/ Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết;**

<b>3. Phải thu của khách hàng</b>	<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
<b>a) Phải thu về bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ</b>	<b>22,218,015,459</b>	<b>20,586,387,552</b>
- Cty XD số 9 - Cty An Xuân Thịnh	3,744,703,767	3,744,703,767
- Khu Quản Lý Giao Thông Đô Thị Số 1	2,945,801,731	2,943,324,734
- Cty CPĐTPT Cường Thuận IDICO	4,186,092,036	2,824,178,378
- Cty CP PT Đường Cao Tốc Biên Hoà - Vũng Tàu	1,321,079,368	1,321,079,368
- Công Ty 7/5 - Quận Khu 7	1,217,062,314	1,217,062,314
- Cty CP XD CTGT Thái Sơn	1,018,100,000	1,018,100,000
- Cty CP Đầu tư Long Biên	807,913,550	807,913,550
- Cty CP ĐT và XD số 17 Thăng Long	796,272,960	796,272,960
- LD Cty Trường Sơn - Tây Bắc	669,898,000	669,898,000
- Cty CP XD số 14	620,995,000	620,995,000
- Cty CP ĐT XD Phú Mỹ - PMC	589,927,000	589,927,000
- Công ty CP Sonadezi Giang Điền	855,126,187	-
- Khu Quản Lý Giao Thông Đô Thị Số 2	10,193,885	201,026,000
- Khu Quản Lý Giao Thông Đô Thị Số 4	566,792,000	566,792,000
- Cty Hoàng Mai	551,542,723	551,542,723
- Công ty CP ĐTXD Lương Tài	511,025,200	511,025,200
Cty TNHH DVTM-XD Đông Mê Kông	276,118,118	276,118,118
Cty CPXD CT Giao thông 419	229,294,000	229,294,000
Cty CP XD CT Giao Thông 674	-	270,222,000
BQL các Dự án ĐTXD phát triển huyện Phú Quốc	188,382,450	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	1,111,695,170	1,426,912,440
<b>b/ Phải thu về chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp</b>	<b>2,103,257,936</b>	<b>2,103,257,936</b>
Cty CP Thương Mại Nước Giải Khát Khánh An	2,103,257,936	2,103,257,936
...		
<b>c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</b>	<b>2,246,596,531</b>	<b>2,555,588,865</b>
- Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	431,312,458	431,312,458
- Công ty CP Xây dựng cầu Sài Gòn	506,390,065	506,390,065
- Công ty CP Đầu tư & Phát triển Ninh Thuận	165,000,000	-
- Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM (CII)	-	78,792,086
- Cty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	1,143,894,008	1,539,094,256
...		
<b>Cộng</b>	<b>26,567,869,926</b>	<b>25,245,234,353</b>

<b>4. Phải thu khác</b>	<b>Cuối kỳ</b>		<b>Đầu năm</b>	
	<b>Giá trị</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá trị</b>	<b>Dự phòng</b>
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>1,413,771,147,742</b>	<b>-</b>	<b>1,139,236,524,143</b>	<b>-</b>
<b>* Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia;</b>	<b>687,136,630,792</b>	<b>-</b>	<b>568,802,441,125</b>	<b>-</b>
- Công ty CP Đầu tư & Xây dựng XLHN	324,761,250,317	-	205,033,073,409	-
- Công ty CP Đầu tư & Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	162,355,521,615	-	181,931,732,397	-
- Cty TNHH MTV BOT ĐT Và XD Ninh Thuận	78,690,502,519	-	78,690,502,519	-
- Cty CP Cầu đường Hiến An Bình	121,329,356,341	-	103,147,132,800	-

...			
<b>* Phải thu lãi tiền gửi, cho vay</b>	<b>182,019,442,396</b>		<b>70,477,528,164</b>
- Cty CP Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	84,895,567,288		-
- Công ty CP Tập đoàn Yên Khánh- Dự án Cao tốc TL-MT	92,291,152,787		67,856,509,808
- Công ty CP Hoàng An - Dự án Cao tốc TL-MT	2,164,201,375		2,164,201,375
- Cty Đầu tư HTKT Tp.HCM (CII)	2,012,526,956		113,717,194
- Cty CP ĐT và PT XD Ninh Thuận	208,333,333		21,944,444
- Cty TNHH Đầu tư Cổ Chiên	153,760,972		70,552,690
- Lãi tiền gửi tiết kiệm	293,899,685		250,602,653
...			
<b>* Các khoản chi hộ;</b>	<b>587,472,713</b>		<b>200,598,013</b>
- Metro Pacific Tollways Corporation	16,300,000		300
- Nộp hộ chi phí cấp Sổ hồng căn hộ	16,322,713		16,322,713
- Công ty CP Tập đoàn Yên Khánh- bảo lãnh chi hộ	554,850,000		184,275,000
...			
<b>* Phải thu khác.</b>	<b>544,027,601,841</b>		<b>499,755,956,841</b>
- Công ty CP Tập đoàn Yên Khánh- Dự án Cao tốc TL-MT	462,850,380,000		462,850,380,000
- Cty TNHH MTV BOT ĐT Và XD Ninh Thuận- góp vốn	80,480,000,000		35,610,000,000
- Cty TNHH Đầu tư Phát triển Cầu đường CII - tiền mượn	-		658,355,000
- Phải thu khoản Nộp 1% đảm bảo các công trình chờ QT	455,871,841		455,871,841
- Cty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu - Phụ cấp HDTV	100,000,000		100,000,000
- Cho mượn (tạm ứng);	127,350,000		67,350,000
- Ký quỹ Viễn thông,taxi, thuê máy photo;	14,000,000		14,000,000
...			
<b>Trong đó, phải thu các bên liên quan</b>	<b>769,937,491,081</b>		<b>605,306,457,763</b>
Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM (CII)	2,012,526,956		113,717,194
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	162,563,854,948		181,953,676,841
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	324,761,250,317		205,033,073,409
Công ty TNHH MTV BOT Ninh Thuận	159,170,502,519		114,300,502,519
Công ty CP Cầu đường Hiền An Bình	121,329,356,341		103,147,132,800
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Cầu đường CII	-		658,355,000
Cty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	100,000,000		100,000,000
...			
<b>b) Trả trước cho người bán về mua hàng hóa, dịch vụ</b>	<b>1,102,771,000</b>		<b>1,153,646,000</b>
- Cty TNHH Tư Vấn Phát Triển Xây Dựng Minh Đạt	850,000,000		850,000,000
- Cty CP điện cơ Đồng Nai	232,971,000		232,971,000
- Khác	19,800,000		70,675,000
...			
<b>c/ Trả trước tiền mua cổ phần, phần vốn góp</b>	<b>5,820,497,512</b>		<b>101,820,497,512</b>
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	-		96,000,000,000
- Cty CP TM Nước giải khát Khánh An	5,820,497,512		5,820,497,512
...			
<b>d/ Phải thu về cho vay ngắn hạn</b>	<b>327,156,693,331</b>		<b>51,893,670,425</b>
- Cty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật CII Tp.HCM (hỗ trợ vốn)	68,946,443,331		46,520,670,425
- Cty TNHH Đầu tư Cổ Chiên - (hỗ trợ vốn)	1,785,000,000		1,373,000,000
- Cty TNHH XD & TM Tuấn Lộc (Hỗ trợ đầu tư)	231,425,250,000		
- Cty CP ĐT và PT XD Ninh Thuận -(Hỗ trợ đầu tư)	25,000,000,000		4,000,000,000
...			
<b>e) Phải thu về cho vay dài hạn</b>	<b>25,000,000,000</b>		<b>277,425,250,000</b>
- Cty TNHH XD & TM Tuấn Lộc (Hỗ trợ đầu tư)	-		231,425,250,000
- Cty CP ĐT và PT XD Ninh Thuận -(Hỗ trợ đầu tư)	25,000,000,000		46,000,000,000



<b>Trong đó, Phải thu về cho vay là các bên liên quan</b>	<b>93,946,443,331</b>		<b>92,520,670,425</b>
- Cty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật CII Tp.HCM	68,946,443,331		46,520,670,425
- Cty CP ĐT và PT XD Ninh Thuận	25,000,000,000		46,000,000,000
...			
<b>f) Phải thu dài hạn khác;</b>	<b>-</b>		<b>75,005,352,090</b>
- Cty CP Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc (lãi cho vay phải thu)	-		75,005,352,090
...			

6. Nợ xấu	Cuối kỳ			Đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng
- Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi;						
Cty CP PT Đường Cao Tốc Biên Hoà - Vũng Tàu	1,321,079,368	-	1,321,079,368	1,321,079,368	-	1,321,079,368
Khách hàng khác - phải thu từ thi công công trình	490,234,652	16,200,796	474,033,856	490,234,652	16,200,796	474,033,856
Cty CP XD CT Giao Thông 674	-	-	-	270,222,000	-	270,222,000
Công ty bảo hiểm Xuân Thành Sài Gòn	98,250,000	29,475,000	68,775,000	98,250,000	29,475,000	68,775,000
Cty TNHH MTV Cầu Quyết Tiến - Thi công công trình	53,256,500	-	53,256,500	53,256,500	-	53,256,500
Cty TNHH Bảo hiểm Liberty - Thi công công trình	25,203,265	-	25,203,265	25,203,265	-	25,203,265
...						
<b>Cộng</b>	<b>1,988,023,785</b>	<b>45,675,796</b>	<b>1,942,347,989</b>	<b>2,258,245,785</b>	<b>45,675,796</b>	<b>2,212,569,989</b>

7. Hàng tồn kho:	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng hóa;	111,300,000		111,300,000	
- Chi phí SXKD dở dang - Căn hộ 70 Lữ Gia	82,197,295		82,197,295	
- Chi phí SXKD dở dang - Bộ phận xây dựng	4,174,350,426		3,625,104,946	
- Chi phí đầu tư các dự án BOT chưa khai thác	28,504,284,324		30,703,792,366	
...				
<b>Trong đó, Chi phí đầu tư dự án BOT các bên liên quan</b>				
Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM (CII)	28,504,284,324		25,207,545,926	
<b>Cộng</b>	<b>32,872,132,045</b>	<b>-</b>	<b>34,522,394,607</b>	<b>-</b>

8. Tài sản dở dang dài hạn	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>				
- Công trình: Cao ốc CC-TM-DV LUGIACO	663,950,204		663,950,204	
- Công trình: Dự án XD nhà ở 477-479 An Dương Vương	727,272,727		727,272,727	
...				
<b>Cộng</b>	<b>1,391,222,931</b>		<b>1,391,222,931</b>	

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Số dư đầu năm	854,759,656	2,257,284,915	-	3,112,044,571
- Mua trong năm	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối năm	854,759,656	2,257,284,915	-	3,112,044,571
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>				
Số dư đầu năm	513,379,010	808,466,964	-	1,321,845,974
- Khấu hao trong năm	42,902,328	146,154,618	-	189,056,946
- Tăng khác	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối năm	556,281,338	954,621,582	-	1,510,902,920
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
- Tại ngày đầu năm	341,380,646	1,448,817,951	-	1,790,198,597
- Tại ngày cuối năm	298,478,318	1,302,663,333	-	1,601,141,651

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay;
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng;
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý;

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình:

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Số dư đầu năm	-	-	50,000,000	50,000,000
- Mua trong năm	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	-	50,000,000	50,000,000
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>				
Số dư đầu năm	-	-	45,008,027	45,008,027
- Khấu hao trong năm	-	-	2,500,002	2,500,002
- Tăng khác	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	-	47,508,029	47,508,029
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
- Tại ngày đầu năm	-	-	4,991,973	4,991,973
- Tại ngày cuối năm	-	-	2,491,971	2,491,971

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay;
- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng;
- Thuyết minh số liệu và giải trình khác;

13. Chi phí trả trước	Cuối kỳ	Đầu năm
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>289,256,525</b>	<b>57,463,134</b>
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng;	45,203,877	57,463,134
- Thuế GTGT còn được khấu trừ	244,052,648	-
<b>Cộng</b>	<b>289,256,525</b>	<b>57,463,134</b>

15. Vay và nợ thuê tài chính	Cuối kỳ		Trong năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Vay ngắn hạn</b>						
Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM (CIJ)	848,559,130,000	848,559,130,000	-	-	848,559,130,000	848,559,130,000
...						
<b>Cộng Vay ngắn hạn</b>	<b>848,559,130,000</b>	<b>848,559,130,000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>848,559,130,000</b>	<b>848,559,130,000</b>
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	37,755,000,000	37,755,000,000	37,755,000,000	26,088,000,000	26,088,000,000	26,088,000,000
<b>b) Vay dài hạn</b>						
NH TMCP Đầu tư & Phát triển VN - CN Tây Sài Gòn	353,283,568,925	353,283,568,925	-	12,854,000,000	366,137,568,925	366,137,568,925
...						
<b>Cộng Vay dài hạn</b>	<b>353,283,568,925</b>	<b>353,283,568,925</b>	<b>-</b>	<b>12,854,000,000</b>	<b>366,137,568,925</b>	<b>366,137,568,925</b>
Trừ các khoản vay và nợ dài hạn phải trả trong vòng 12 tháng	(37,755,000,000)	(37,755,000,000)	(37,755,000,000)	(26,088,000,000)	(26,088,000,000)	(26,088,000,000)
<b>Tổng cộng</b>	<b>1,201,842,698,925</b>	<b>1,201,842,698,925</b>	<b>-</b>	<b>12,854,000,000</b>	<b>1,214,696,698,925</b>	<b>1,214,696,698,925</b>

Trong đó thanh toán theo kỳ hạn	Cuối kỳ	Đầu năm
Trong vòng 01 năm	37,755,000,000	26,088,000,000
Trong năm thứ hai	80,181,000,000	45,113,000,000
Từ năm thứ 3 đến năm thứ năm	235,347,568,925	294,936,568,925
<b>Cộng</b>	<b>353,283,568,925</b>	<b>366,137,568,925</b>
Trừ số phải trả trong vòng 12 tháng	(37,755,000,000)	(26,088,000,000)
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>315,528,568,925</b>	<b>340,049,568,925</b>

16. Phải trả người bán	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>2,494,452,633</b>	<b>2,494,452,633</b>	<b>1,591,610,066</b>	<b>1,591,610,066</b>
- Công ty CP Xây Lắp Điện Chiêu Sáng	1,294,545,258	1,294,545,258	500,000,000	500,000,000
- Công Ty CP Xây lắp & Vật Tư Xây Dựng (CBM)	100,000,000	100,000,000	100,000,000	100,000,000
- Cty TNHH Tân Thành Tâm	180,272,259	180,272,259	180,272,259	180,272,259
- Công Ty CP TM XD Kỹ Thuật Thiên Thành	351,627,200	351,627,200	351,627,200	351,627,200
- Cty TNHH SX TM & XD Thiên Minh	13,913,000	13,913,000	13,913,000	13,913,000
- Cty TNHH Đại Dương Xanh	163,327,842	163,327,842	163,327,842	163,327,842
- Phải trả cho các đối tượng khác	390,767,074	390,767,074	282,469,765	282,469,765
<b>b) Phải trả người bán là các bên liên quan</b>	<b>7,951,958,435</b>	<b>7,951,958,435</b>	<b>6,981,471,582</b>	<b>6,981,471,582</b>
- Công ty CP Cơ Khí Điện Lữ Gia	7,951,958,435	7,951,958,435	6,566,016,332	6,566,016,332
- Cty TNHH MTV Đầu Tư Kinh Doanh Địa ốc Lữ Gia	-	-	415,455,250	415,455,250
<b>cộng</b>	<b>10,446,411,068</b>	<b>10,446,411,068</b>	<b>8,573,081,648</b>	<b>8,573,081,648</b>



17. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Cuối kỳ
<b>a) Phải nộp</b>	<b>189,707,730</b>	<b>363,111,196</b>	<b>518,822,409</b>	<b>33,996,517</b>
- Thuế TNCN	189,707,730	347,716,836	503,428,049	33,996,517
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất		11,394,360	11,394,360	-
- Thuế môn bài		4,000,000	4,000,000	-
...				-
<b>b) Phải thu</b>	<b>2,153,375,983</b>	<b>147,433,608</b>	<b>-</b>	<b>2,005,942,375</b>
- Thuế TNDN nộp thừa	1,177,431,555	-	-	1,177,431,555
- Tiền thuê đất nộp thừa tại 345-347ADV	391,243,752	-	-	391,243,752
- Thuế GTGT vãng lai nội tỉnh đã nộp	584,700,676	147,433,608	-	437,267,068
				-

18. Chi phí phải trả	Cuối kỳ	Đầu năm
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>4,673,659,451</b>	<b>5,031,626,039</b>
- Chi phí lãi vay	4,443,659,451	4,726,626,039
- Các khoản trích trước khác;	230,000,000	305,000,000
...		
<b>Cộng</b>	<b>4,673,659,451</b>	<b>5,031,626,039</b>

19. Phải trả khác	Cuối kỳ	Đầu năm
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>232,518,300,306</b>	<b>274,590,238,071</b>
<b>* Các khoản phải trả, phải nộp khác.</b>	<b>232,518,300,306</b>	<b>274,590,238,071</b>
- Công ty CP đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Tp.HCM (CIJ)	165,486,527,747	132,810,038,771
- Phải trả Cty TNHH Đầu tư Phát triển Cầu đường	-	96,000,000,000
- Ứng trước lợi nhuận từ Cty Rạch Miễu	36,681,500,895	16,729,927,636
- Khoản thu hộ: Tiền phụ cấp HĐTV	4,900,000,000	3,600,000,000
- Công ty Cấp thoát nước TP	451,242,467	451,242,467
- Khoản nhận trước tiền mua cổ phần từ Công ty CP Xây dựng Cầu Sài Gòn	24,988,350,000	24,988,350,000
+ Phải trả khác	10,679,197	10,679,197
...		

<b>b) Dài hạn</b>	<b>10,590,000,000</b>	<b>-</b>
- Cty CP Đầu tư XD Tuấn Lộc (Phải trả tiền mua CP còn lại DA Cty Cổ Chiên)	10,590,000,000	
...		

<b>Trong đó, phải trả các bên liên quan</b>	<b>227,156,378,642</b>	<b>270,528,316,407</b>
- Công ty CP đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Tp.HCM (CIJ)	165,486,527,747	132,810,038,771
- Cty TNHH Đầu tư Phát triển Cầu đường	-	96,000,000,000
- Công ty TNHH BOT cầu Rạch Miễu	36,681,500,895	16,729,927,636
- Công ty CP Xây dựng Cầu Sài Gòn	24,988,350,000	24,988,350,000
...		

<b>c) Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>	<b>2,565,962,055</b>	<b>3,472,028,926</b>
- Khu QLGTĐT số 3	860,780,150	1,398,915,150
- Cty CP BOT Quốc Lộ 20 Lâm Đồng	1,200,000,000	1,200,000,000
- Công ty CP Xây dựng Hạ Tầng CIJ (E&C)	-	35,550,000
- BQLĐT XDCT Nâng cấp Đô thị TP	365,219,173	365,219,173
- Công ty CP Sonadezi Giang Điền	-	381,560,515
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	139,962,732	90,784,088
...		

<b>Trong đó, Người mua trả tiền trước ngắn hạn các bên liên quan</b>	<b>-</b>	<b>35,550,000</b>
- Công ty CP Xây dựng Hạ Tầng CIJ (E&C)	-	35,550,000
...		

25. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu							Cộng
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá	Quỹ đầu tư phát triển	LNST thuế chưa phân phối và các quỹ		
A	1	2	5	6	8	7		
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>1,928,547,650,000</b>	<b>3,657,748,096</b>			<b>44,860,510,378</b>	<b>163,220,149,107</b>	<b>2,220,965,611,748</b>	
- Tăng vốn trong năm trước							-	
- Lãi trong năm trước						215,868,221,707	215,868,221,707	
- Chi cổ tức							-	
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển năm trước					10,793,411,000	(10,793,411,000)	-	
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi năm trước						(1,079,342,000)	(1,079,342,000)	
- Chi thù lao HĐQT & Ban KS năm 2017						(1,023,000,000)	(1,023,000,000)	
- Giảm vốn trong năm trước							-	
...								
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>1,928,547,650,000</b>	<b>3,657,748,096</b>			<b>55,653,921,378</b>	<b>366,192,617,814</b>	<b>2,354,051,937,288</b>	
- Tăng vốn trong năm nay							-	
- Lãi trong năm nay						168,223,780,863	168,223,780,863	
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển năm nay							-	
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi năm nay							-	
- Chi cổ tức							-	
- Chi thù lao HĐQT & Ban KS							-	
...							-	
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>1,928,547,650,000</b>	<b>3,657,748,096</b>			<b>55,653,921,378</b>	<b>534,416,398,677</b>	<b>2,522,275,718,151</b>	

25. Vốn chủ sở hữu		Cuối kỳ	Đầu năm
<b>b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu</b>		<b>1,928,547,650,000</b>	<b>1,928,547,650,000</b>
- Vốn góp của Công ty CP đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Tp.HCM (CIJ)	54.40%	1,049,158,520,000	1,049,158,520,000
- Vốn góp của MPTC (Philippin)	44.94%	866,666,660,000	866,666,660,000
- Vốn góp của đối tượng khác	0.66%	12,722,470,000	12,722,470,000
...			
<b>c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận</b>		<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu			
+ Vốn góp đầu năm		1,928,547,650,000	1,928,547,650,000
+ Vốn góp tăng trong năm			
+ Vốn góp giảm trong năm			
+ Vốn góp cuối năm		1,928,547,650,000	1,928,547,650,000
...			
<b>d) Cổ phiếu</b>		<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		192,854,765	192,854,765
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng			
+ Cổ phiếu phổ thông		192,854,765	192,854,765
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành			
+ Cổ phiếu phổ thông		192,854,765	192,854,765
...			
<b>e) Các quỹ của doanh nghiệp:</b>		<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
- Quỹ đầu tư phát triển;		55,653,921,378	55,653,921,378
- Quỹ khen thưởng phúc lợi		521,047,236	1,284,899,736
...			
	<b>Cộng</b>	<b>56,174,968,614</b>	<b>56,938,821,114</b>

## VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

<b>1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
- Doanh thu hợp đồng xây dựng, duy tu;	4,242,279,915	19,536,412,604
- Doanh thu dịch vụ tư vấn về thu phí giao thông	-	2,113,469,204
- Doanh thu cung cấp dịch vụ cho thuê VP, mặt bằng;	249,160,959	295,446,000
	<b>Cộng</b>	<b>4,491,440,874</b>
		<b>21,945,327,808</b>
<b>Trong đó Doanh thu đối với các bên liên quan</b>	<b>246,197,914</b>	<b>2,408,915,204</b>
- Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM (CIJ)	246,197,914	295,446,000
- Cty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	-	2,113,469,204
...		
<b>2. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
- Giảm giá hàng bán;	334,284,358	419,779,847
...		
	<b>Cộng</b>	<b>334,284,356</b>
		<b>419,779,847</b>
<b>3. Giá vốn hàng bán</b>	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
- Giá vốn của hoạt động xây dựng	3,907,995,559	19,976,126,166
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp;	100,488,292	136,499,419
	<b>Cộng</b>	<b>4,008,483,851</b>
		<b>20,112,625,585</b>
<b>Trong đó Giá vốn đối với các bên liên quan</b>	<b>2,358,049,906</b>	<b>782,452,611</b>
- Công ty CP Cơ Khí điện Lữ Gia	2,358,049,906	782,452,611



	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
<b>4. Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	17,758,763,046	22,777,584,116
- Lãi phát sinh từ HĐ hợp tác đầu tư DA cao tốc TLMT (Hoàng An- Yên Khánh)	24,434,642,979	24,655,479,853
- Lợi nhuận được chia	181,134,189,667	62,810,893,273
- Lãi chênh lệch tỷ giá, chiết khấu	-	39,599
...		
<b>Cộng</b>	<b>223,327,595,692</b>	<b>110,243,996,841</b>
<i>Trong đó Doanh thu hoạt động tài chính đối với các bên liên quan</i>	<i>186,505,591,726</i>	<i>74,308,758,884</i>
- Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM (CIJ)	2,824,582,668	9,620,021,167
- Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	119,728,176,908	32,750,356,722
- Cty CP Cầu đường Hiến An Bình	29,982,223,541	11,720,509,149
- Cty TNHH MTV BOT ĐT Và XD Ninh Thuận	-	5,500,000
- Công ty CP Đầu tư & Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	33,887,400,327	20,212,371,846
- Cty TNHH Đầu tư Cổ Chiên	83,208,282	-
...		
<b>5. Chi phí tài chính</b>		
- Chi phí lãi vay;	52,033,844,599	69,045,020,503
- Lỗ từ thoái vốn công ty con PTCĐ	672,355,000	-
- Chi phí tài chính khác;	-	-
<b>Cộng</b>	<b>52,706,199,599</b>	<b>69,045,020,503</b>
<i>Trong đó Chi phí tài chính đối với các bên liên quan</i>	<i>29,379,750,578</i>	<i>29,600,587,452</i>
- Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM (CIJ)	29,379,750,578	29,600,587,452
<b>6. Thu nhập khác</b>		
- Thu nhập từ cho thuê xe	600,000,000	240,000,000
- Điều chỉnh giảm các khoản người mua trả tiền trước không tiếp tục thực hiện hợp đồng	-	562,158,462
...		
<b>Cộng</b>	<b>600,000,000</b>	<b>802,158,462</b>
<i>Trong đó Thu nhập khác đối với các bên liên quan</i>	<i>600,000,000</i>	<i>240,000,000</i>
- Công ty TNHH MTV Đầu tư hạ tầng - VRG	300,000,000	240,000,000
- Công ty CP Đầu tư & Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	300,000,000	-
<b>7. Chi phí khác</b>		
- Chi phí cho thuê tài sản	382,261,829	193,694,019
- Các khoản khác.	-	-
<b>Cộng</b>	<b>382,261,829</b>	<b>193,694,019</b>
<b>8. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
<b>a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</b>	<b>2,764,026,068</b>	<b>3,473,958,940</b>
- Chi phí lương nhân viên	1,965,708,743	1,581,551,749
- Chi phí vật dụng, công cụ văn phòng	185,923,405	160,007,672
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	22,797,228	82,944,390
- Chi phí thuê văn phòng	297,000,000	297,000,000
- Chi phí tiếp khách	136,052,828	194,716,182
- Chi phí dự phòng nợ khó đòi	(270,222,000)	-
- Các khoản chi phí QLDN khác.	426,765,864	1,157,738,947
...		

<i>Trong đó Chi phí QLDN đối với các bên liên quan</i>	367,218,845	365,086,636
- Cty TNHH MTV Đầu tư kinh doanh Địa ốc Lữ Gia	367,218,845	365,086,636
<b>b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ</b>	-	65,700,000
- Các khoản chi phí bán hàng khác.	-	65,700,000
<i>Trong đó Chi phí chi phí bán hàng các bên liên quan</i>	-	65,700,000
- Công ty CP Cơ khí điện Lữ Gia	-	65,700,000

9. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu;		
- Chi phí nhân công;	1,777,155,464	1,664,279,480
- Chi phí khấu hao tài sản cố định;	191,556,948	191,556,948
- Chi phí dịch vụ mua ngoài;	4,820,175,589	10,065,377,128
- Chi phí khác bằng tiền.	525,782,177	1,357,187,483
<b>Cộng</b>	<b>7,314,670,178</b>	<b>13,278,401,039</b>

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	-
<b>Cộng</b>	-	-

#### VIII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

- Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai
- Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng

3. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ:	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường;	-	-
4. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ:	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường;	12,854,000,000	151,584,500,000
- Tiền trả nợ vay dưới hình thức khác	-	50,477,000,000
...		
<b>Cộng</b>	<b>12,854,000,000</b>	<b>202,061,500,000</b>

#### IX. Những thông tin khác

##### 3. Thông tin về các bên liên quan

a - Trong kỳ, Công ty có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

Công ty CP đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Tp.HCM (CII)	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
- Thanh toán tiền gốc hỗ trợ vốn	-	50,477,000,000
- Chi phí lãi vay hỗ trợ vốn	29,379,750,578	29,600,587,452
- Lãi vay hỗ trợ vốn đầu tư vào các dự án B.O.T chưa khai thác	3,296,738,398	3,296,738,398
- Cho vay hỗ trợ vốn	23,800,000,000	
- Thu lại tiền cho vay, hỗ trợ vốn	1,374,227,094	12,142,688,373
- Lãi cho vay, hỗ trợ vốn	2,824,582,668	9,620,021,167
- Thu tiền lãi cho vay, hỗ trợ vốn	925,772,906	9,091,513,002
- Doanh thu tiền thuê mặt bằng	246,197,914	295,446,000
- Thu tiền cho thuê mặt bằng	-	324,990,000

<b>Cty TNHH MTV Đầu tư kinh doanh Địa ốc Lữ Gia</b>	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
- Chi phí thuê văn phòng	367,218,845	365,086,636
- Thanh toán tiền thuê văn phòng	819,395,980	429,173,030
...		
<b>Công ty CP Cơ khí Điện Lữ Gia</b>	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
- Chi phí thi công công trình & hàng hóa	2,358,049,906	848,152,611
- Phải trả tiền thi công công trình & hàng hóa	2,644,402,110	8,238,166,597
- Thu tiền bán hàng hóa	-	209,783,671
- Thanh toán chi phí thi công công trình xây lắp	1,258,460,007	6,291,135,896
...		
<b>Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội</b>	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
- Cổ tức, lợi nhuận được chia trong năm	119,728,176,908	32,750,356,722
...		
<b>Công ty CP Xây dựng cầu Sài Gòn</b>	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
- Thu tiền cổ tức được chia	-	17,302,827,614
- Nhận tiền hoàn trả vốn góp từ công ty con	-	113,112,960,000
...		
<b>Cty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu</b>	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
- Nhận tiền tạm ứng lợi nhuận	21,351,573,259	20,329,405,199
- Doanh thu dịch vụ tư vấn thu phí giao thông	-	2,113,469,204
- Thu tiền dịch vụ tư vấn thu phí giao thông	395,200,248	2,099,028,407
- Thu tiền phụ cấp HDTV	1,300,000,000	300,000,000
- Phải thu tiền phụ cấp thành viên	1,300,000,000	
...		
<b>Công ty CP Cầu đường Hiền An Bình</b>	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
- Cổ tức, lợi nhuận được chia trong năm	29,982,223,541	11,720,509,149
- Thu tiền cổ tức được chia	11,800,000,000	18,000,000,000
...		
<b>Công ty CP Đầu tư &amp; Phát triển Xây dựng Ninh Thuận</b>	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
- Thu nhập từ cho thuê xe	300,000,000	-
- Thu tiền cho thuê xe	330,000,000	
- Cổ tức, lợi nhuận được chia trong năm	31,423,789,218	18,340,027,402
- Lãi cho vay phải thu	2,463,611,109	1,872,344,444
- Thu tiền cổ tức được chia	51,000,000,000	24,400,000,000
- Thu lại tiền cho vay, hỗ trợ vốn	2,277,222,220	1,768,083,333
...		
<b>Cty TNHH MTV BOT ĐT Và XD Ninh Thuận</b>	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
- Cho vay hỗ trợ vốn	-	11,000,000,000
- Thu tiền lãi vay	-	5,500,000
- Thu tiền cổ tức được chia	-	
- Thu lại tiền cho vay, hỗ trợ vốn	-	11,000,000,000
- Phải thu tiền góp vốn		10,310,000,000
- Chuyển tiền tạm chi góp vốn	44,870,000,000	
...		
<b>Công ty TNHH MTV Đầu tư hạ tầng - VRG</b>	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
- Thu nhập từ cho thuê xe	300,000,000	240,000,000
- Thu tiền bán hàng	330,000,000	264,000,000
...		



Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Cầu đường CII	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
- Phải thu khoản tạm mượn	14,000,000	3,000,000
- Cho vay hỗ trợ vốn	-	140,000,000
- Thu lại tiền cho vay, hỗ trợ vốn	-	500,000,000
- Phải trả khoản đã ký quỹ mua phần vốn góp trong Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên	-	96,000,000,000

**b - Tại thời điểm cuối năm, Công ty có số dư với các bên liên quan như sau:**

Công ty CP đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Tp.HCM (CII)	Cuối kỳ	Đầu năm
- Phải trả gốc hỗ trợ vốn	848,559,130,000	848,559,130,000
- Phải trả về lãi vay hỗ trợ vốn dự án TLMT	165,486,527,747	132,810,038,771
- Phải thu tiền thuê kho	-	78,792,086
- Phải thu cho vay hỗ trợ vốn	68,946,443,331	46,520,670,425
- Phải thu về lãi cho vay	2,012,526,956	113,717,194

Công ty CP Xây dựng Hạ Tầng CII (E&C)	Cuối kỳ	Đầu năm
- Ứng trước giá trị thi công công trình	-	35,550,000

Cty TNHH MTV Đầu tư kinh doanh Địa ốc Lữ Gia	Cuối kỳ	Đầu năm
- Phải trả chi phí thuê văn phòng	-	415,455,250
- Ứng trước tiền thuê VP	-	-

Công ty CP Cơ khí Điện Lữ Gia	Cuối kỳ	Đầu năm
- Phải trả tiền thi công công trình & hàng hóa	7,951,958,435	6,566,016,332

Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	Cuối kỳ	Đầu năm
- Phải thu tiền lợi nhuận được chia	324,761,250,317	205,033,073,409
- Phải thu giá trị thi công công trình	431,312,458	431,312,458

Công ty CP Xây dựng cầu Sài Gòn	Cuối kỳ	Đầu năm
- Phải thu giá trị thi công công trình	506,390,065	506,390,065
- Khoản nhận trước tiền mua cổ phần từ Công ty CP Xây dựng Cầu Sài Gòn	24,988,350,000	24,988,350,000

Cty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	Cuối kỳ	Đầu năm
- Ứng trước lợi nhuận từ Cty Rạch Miễu	36,681,500,895	16,729,927,636
- Phải thu tiền tư vấn QLDA của Cty TNHH B.O.T Cầu Rạch Miễu	1,143,894,008	1,539,094,256
- Phải thu tiền phụ cấp HDTV của Cty TNHH B.O.T Cầu Rạch Miễu	100,000,000	100,000,000

Công ty CP Cầu đường Hiền An Bình	Cuối kỳ	Đầu năm
- Phải thu tiền lợi nhuận được chia	121,329,356,341	103,147,132,800

Công ty CP Đầu tư & Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	Cuối kỳ	Đầu năm
- Phải thu tiền hàng	165,000,000	-
- Phải thu tiền lợi nhuận được chia	162,355,521,615	181,931,732,397
- Phải thu cho vay hỗ trợ vốn	25,000,000,000	46,000,000,000
- Phải thu lãi tiền cho vay hỗ trợ vốn	208,333,333	21,944,444

Cty TNHH MTV BOT ĐT Và XD Ninh Thuận	Cuối kỳ	Đầu năm
- Phải thu tiền lợi nhuận được chia	78,690,502,519	78,690,502,519
- Phải thu tiền góp vốn	80,480,000,000	35,610,000,000

Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Cầu đường CII	Cuối kỳ	Đầu năm
- Phải thu khoản tạm mượn	-	658,355,000
- Phải trả PTCD mua CP Cty Tuấn Lộc về Cty Cổ Chiên	-	96,000,000,000

4. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận

Xem bảng kết quả kinh doanh theo bộ phận

5. Thông tin so sánh (những thay đổi về thông tin trong Báo cáo tài chính của các niên độ kế toán trước):

6. Thông tin về hoạt động liên tục: .....

7. Những thông tin khác. ....

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc, HĐQT, BKS được hưởng trong năm	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
Lương và thưởng	1,544,056,200	1,697,273,962

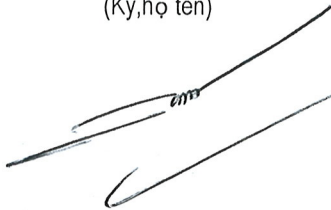
Lập ngày 26 tháng 7 năm 2019

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)



Dương Thị Nhung

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)



Nguyễn Văn Chính

Tổng Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)



Phạm Thế Chính

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO BỘ PHẬN**

Quý 2 năm 2019

Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

100%

Chỉ tiêu	Mã số	Tổng hợp	Hoạt động kinh doanh		
			Đầu tư	Dịch vụ	Công trình
DT bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	4,491,440,874		249,160,959	4,242,279,915
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	334,284,356	-	-	334,284,356
Giảm giá hàng bán		334,284,356			334,284,356
					-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	4,157,156,518	-	249,160,959	3,907,995,559
Giá vốn hàng bán	11	4,008,483,851		100,488,292	3,907,995,559
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	148,672,667	-	148,672,667	-
Doanh thu hoạt động tài chính	21	223,327,595,692	223,327,595,692	-	-
Lãi TGNH		2,497,145,789	2,497,145,789		
Lợi nhuận sau thuế ....		-	-		
Lợi nhuận sau thuế Cty XLHN		119,728,176,908	119,728,176,908		
Lợi nhuận sau thuế Cty HAB		29,982,223,541	29,982,223,541		
Lợi nhuận sau thuế Cty CP ĐT&PT XD Ninh Thuận		31,423,789,218	31,423,789,218		
Lãi Cty Tuấn Lộc vay		9,890,215,198	9,890,215,198		
Lãi Cty CII vay		2,824,582,668	2,824,582,668		
Lãi Cty CP ĐT & PT XD Ninh Thuận vay		2,463,611,109	2,463,611,109		
Lãi Cty CP Tập đoàn Yên Khánh vay (hợp tác đầu tư)		24,434,642,979	24,434,642,979		
Lãi Cty TNHH Đầu tư Cổ Chiên vay		83,208,282	83,208,282		
		-			
Chi phí tài chính	22	52,706,199,599	52,706,199,599	-	-
Lãi vay thanh toán phí chuyển nhượng Cổ phần		22,654,094,021	22,654,094,021		
Lãi PS từ đầu tư DA cao tốc TLMT (Yên Khánh)		24,434,642,979	24,434,642,979		
Lãi vay CII (Chuyển Cty Tuấn Lộc vay p/v CT TLMT)		4,945,107,599	4,945,107,599		
Lỗ từ thoái vốn Cty Đầu tư Phát triển Cầu đường CII		672,355,000	672,355,000		
		-			
		-			
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	2,764,026,068	3,034,248,068	-	(270,222,000)
CP quản lý		3,034,248,068	3,034,248,068		
CP dự phòng nợ khó đòi		(270,222,000)			(270,222,000)
					-
					-
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	168,006,042,692	167,587,148,025	148,672,667	270,222,000
Thu nhập khác	31	600,000,000	-	600,000,000	-
Thuê xe		600,000,000		600,000,000	
		-			
Chi phí khác	32	382,261,829	-	382,261,829	-
Chi phí cho thuê xe	32.1	382,261,829		382,261,829	
		-			
Lợi nhuận khác ( 40 = 31 - 32 )	40	217,738,171	-	217,738,171	-
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50	168,223,780,863	167,587,148,025	366,410,838	270,222,000
Chi phí loại trừ khi tính thuế TNDN	50a	8,659,910,751	8,659,910,751	-	-
Chi phí lãi vay loại trừ theo ND 20/2017CP-24/02/2017		7,987,555,751	7,987,555,751		
Lỗ từ thoái vốn Cty Đầu tư Phát triển Cầu đường CII		672,355,000	672,355,000		
		-			

Chỉ tiêu	Mã số	Tổng hợp	Hoạt động kinh doanh		
			Đầu tư	Dịch vụ	Công trình
- Thu nhập không chịu thuế	50b	181,134,189,667	181,134,189,667	-	-
- Lợi nhuận sau thuế Cty XLHN		119,728,176,908	119,728,176,908		
- Lợi nhuận sau thuế Cty HAB		29,982,223,541	29,982,223,541		
- Lợi nhuận sau thuế Cty CP ĐT&PT XD Ninh Thuận		31,423,789,218	31,423,789,218		
...		-			
- Thu nhập chịu thuế (50 + 50a-50b)	50c	(4,250,498,053)			
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	168,223,780,863			
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	864			

Người lập biểu



Dương Thị Nhung

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Chính

Lập ngày 26 tháng 7 năm 2019

Tổng Giám đốc



Phạm Thế Chính

